

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách nhà nước; thu hồi dự toán chi thường xuyên đã bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Sở Tài chính (đợt 2).

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và Luật sửa đổi năm 2025;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 01/07/2025 của HĐND tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-STC ngày 21/7/2025 của Sở Tài chính ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính; Quyết định số 450/QĐ-STC ngày 31/12/2025 của Sở Tài chính về phân bổ bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (đợt 2) cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Sở Tài chính;

Căn cứ Thông báo số 1040/TB-STC ngày 31/12/2025 của Sở Tài chính về thực hiện thu hồi dự toán chi thường xuyên đã bố trí trong dự toán năm 2025 của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Sở Tài chính (đợt 2);

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước, thu hồi dự toán chi thường xuyên đã bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Tài chính (đợt 2) (đính kèm phụ lục chi tiết).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở và toàn thể cán bộ, công chức có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Như*

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thụy Phương Thảo

Đơn vị: SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
Chương: 418
MãQHNS: 1134446

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ TÀI CHÍNH
NĂM 2025 (ĐỢT 2)



Kèm theo Quyết định số 451/QĐ- STC ngày 31/12/2025 của Sở Tài chính)

ĐV tính: đồng

Loại/ khoản	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	Trong đó	
				Văn phòng Sở Tài chính	Đơn vị...
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3,378,151,000	3,378,151,000	3,378,151,000	
	Bổ sung dự toán	3,378,151,000	3,378,151,000	3,378,151,000	
340-341	Chi QLNN	3,378,151,000	3,378,151,000	3,378,151,000	
1	Kinh phí thường xuyên/ tự chủ (mã nguồn 13)	379,000,000	379,000,000	379,000,000	
	Kinh phí chi hoạt động (Bình Phước cũ)	379,000,000	379,000,000	379,000,000	
2	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ (mã nguồn 12)	315,151,000	315,151,000	315,151,000	
	Kinh phí Đảng (Bình Phước cũ)	115,151,000	115,151,000	115,151,000	
	Kinh phí vận chuyển (Bình Phước)	200,000,000	200,000,000	200,000,000	
3	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ (mã nguồn 15)	2,243,000,000	2,243,000,000	2,243,000,000	
	Kinh phí vận chuyển sau sáp nhập tỉnh	593,000,000	593,000,000	593,000,000	
	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	241,000,000	241,000,000	241,000,000	
	Thuê dịch vụ CNTT sẵn có thị trường phục vụ công tác quản lý dự án đầu tư (ngoài ngân sách), ngoài khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)	1,409,000,000	1,409,000,000	1,409,000,000	
4	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ (mã nguồn 18)	441,000,000	441,000,000	441,000,000	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2025 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	441,000,000	441,000,000	441,000,000	

Đơn vị: SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
Chương: 418
Mã QHNS: 1134446

THỰC HIỆN THU HỒI DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN ĐÃ BỐ TRÍ TRONG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2025 CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ TÀI CHÍNH (ĐỢT 2)



Kèm theo Quyết định số 451/QĐ- STC ngày 31/12/2025 của Sở Tài chính)

ĐV tính: đồng

Loại/ khoản	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Văn phòng Sở Tài chính	Đơn vị...
THU HỒI DỰ TOÁN CHI NS (1+2):		20,928,552,754	20,928,552,754	20,928,552,754	
340-341	I. Sự nghiệp Quản lý nhà nước	16,089,374,789	16,089,374,789	16,089,374,789	
1	Kinh phí chi thường xuyên/tự chủ (mã nguồn 13)	8,312,257,800	8,312,257,800	8,312,257,800	
-	Chi con người (Văn phòng Sở)	7,000,000,000	7,000,000,000	7,000,000,000	
-	Chi hoạt động	387,294,558	387,294,558	387,294,558	
-	Kinh phí trích từ các khoản thu hồi sau Thanh tra (gồm 2024 chuyển sang)	924,963,242	924,963,242	924,963,242	
2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (mã nguồn 12)	7,777,116,989	7,777,116,989	7,777,116,989	
-	Kinh phí xử phạt VPHC trong lĩnh vực kế toán	70,452,314	70,452,314	70,452,314	
-	Chi phục vụ thu xử phạt VPHC sau Tranh tra	431,924,000	431,924,000	431,924,000	
-	Kinh phí trang phục Thanh Tra sở	152,950,000	152,950,000	152,950,000	
-	Kinh phí tổng kết hoạt động cụm Miền ĐNB	85,500,000	85,500,000	85,500,000	
-	Công tác giao ban ngành kế hoạch đầu tư 2025	85,500,000	85,500,000	85,500,000	
-	Kinh phí tổ chức Hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	25,523,870	25,523,870	25,523,870	
-	Trợ cấp Tết	400,000	400,000	400,000	
-	KP phục vụ công tác thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp	29,182,000	29,182,000	29,182,000	
-	Nhiệm vụ UBND tỉnh giao (tiếp đoàn BTC)	41,083,600	41,083,600	41,083,600	
-	Nhiệm vụ UBND tỉnh giao (tặng hoa cho DN tiêu biểu)	9,512,000	9,512,000	9,512,000	
-	KP hội thảo góp ý điều chỉnh quy hoạch tỉnh	104,788,803	104,788,803	104,788,803	
-	KP 80 năm thành lập ngành Tài chính	1,722,270	1,722,270	1,722,270	
-	KP tổ chức các lớp tập huấn kế toán	6,811,327	6,811,327	6,811,327	
-	Kinh phí sửa chữa trụ sở Bình Phước (dự toán tại kho bạc Bình Phước chuyển sang, dự toán giấy không giao)	600,000,000	600,000,000	600,000,000	
-	Kinh phí hỗ trợ công chức thực hiện nhiệm vụ gián tiếp tại Trung tâm điều hành thông minh theo Nghị quyết 14/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	4,150,000	4,150,000	4,150,000	

Loại/ khoản	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Văn phòng Sở Tài chính	Đơn vị...
-	Kinh phí mua sắm tài sản	126,350,000	126,350,000	126,350,000	
-	Sửa chữa hệ thống PCCC	142,500,000	142,500,000	142,500,000	
-	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chuyển đổi số doanh nghiệp	300,000,000	300,000,000	300,000,000	
-	Chuyển đổi số doanh nghiệp	95,000,000	95,000,000	95,000,000	
	Kinh phí thực hiện đề án xây dựng bộ chỉ số DDCI	267,918,898	267,918,898	267,918,898	
	Kinh phí hoạt động tổ công tác theo công văn 945/UBND-KT	85,239,360	85,239,360	85,239,360	
	Chi phí Tập huấn	285,000,000	285,000,000	285,000,000	
-	Chi phí làm việc bộ ngành trung ương	396,353,200	396,353,200	396,353,200	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn ngành	668,535,625	668,535,625	668,535,625	
-	Làm việc với các đoàn đến công tác	515,807,520	515,807,520	515,807,520	
-	Khen thưởng tổng kết ngành	45,241,000	45,241,000	45,241,000	
-	Kinh phí bồi dưỡng, đào tạo	15,608,000	15,608,000	15,608,000	
	Thực hiện các thủ tục liên quan đến mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh	204,749,842	204,749,842	204,749,842	
	Kinh phí thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP	34,266,360	34,266,360	34,266,360	
	Kinh phí điều tra, khảo sát chi phí và giá thành sản xuất thóc vụ Đông Xuân năm 2024-2025 và vụ Hè thu năm 2025	369,550,000	369,550,000	369,550,000	
	Kinh phí Hội đồng Thẩm định giá đất	610,685,000	610,685,000	610,685,000	
-	Kinh phí thuê đơn vị tư vấn trong các hoạt động thẩm định: giá tài sản trên đất, giá trị quyền sử dụng đất, giá tài sản trong tổ tụng hình sự và giá tài sản khác thuộc thẩm quyền được giao theo chỉ đạo của UBND tỉnh	1,710,000,000	1,710,000,000	1,710,000,000	
-	Kinh phí tổ chức Đoàn công tác ngành tài chính tỉnh Đồng Nai học tập kinh nghiệm về công tác quản lý Tài chính Ngân sách - Tài sản công	254,812,000	254,812,000	254,812,000	
280-338	II. Sự nghiệp kinh tế (mã nguồn 12)	4,839,177,965	4,839,177,965	4,839,177,965	
	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (mã nguồn 12)</i>	4,839,177,965	4,839,177,965	4,839,177,965	
-	Xúc tiến đầu tư	4,839,177,965	4,839,177,965	4,839,177,965	

Đơn vị: SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
Chương: 418
MãQHNS: 1134446

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ TÀI CHÍNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 451/QĐ-STC ngày 31/12/2025 của Sở Tài chính)



Đơn tính: đồng

Loại/ khoản	Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Trong đó		
				Văn phòng Sở Tài chính		Đơn vị...
				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26,217,325,350	22,222,325,350	26,217,325,350	22,222,325,350	
	Điều chỉnh dự toán	26,217,325,350	22,222,325,350	26,217,325,350	22,222,325,350	
340/341	Chi quản lý nhà nước	3,995,000,000	22,222,325,350	3,995,000,000	22,222,325,350	
1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (Mã nguồn 13)	1,974,000,000	-	1,974,000,000	-	
	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Du lịch và Hỗ trợ Doanh nghiệp Bình Phước	1,974,000,000		1,974,000,000		
2	Kinh phí không thường xuyên/ không thực hiện chế độ tự chủ (Mã nguồn 12)	2,021,000,000	22,222,325,350	2,021,000,000	22,222,325,350	
	Chi quản lý nhà nước	2,021,000,000	22,222,325,350	2,021,000,000	22,222,325,350	
	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP (Mã nguồn 23)		21,566,325,350		21,566,325,350	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP - (mã nguồn 18)		472,000,000		472,000,000	
	Trợ cấp Tết (Văn phòng Sở)		184,000,000		184,000,000	

Loại/ khoản	Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Trong đó		
				Văn phòng Sở Tài chính		Đơn vị...
				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Du lịch và Hỗ trợ Doanh nghiệp Bình Phước	2,021,000,000		2,021,000,000		
070/083	Sự nghiệp Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	22,038,325,350	0	22,038,325,350	0	0
	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP	21,566,325,350		21,566,325,350		
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP - (mã nguồn 18)	472,000,000		472,000,000		
400/428	Chi khác	184,000,000	0	184,000,000	0	0
	Trợ cấp Tết (Bình Phước)	184,000,000		184,000,000		